

# THUYẾT VĂN HÓA XÃ HỘI: HỖ TRỢ CỦA GIÁNG VIÊN TRONG LỚP HỌC NGÔN NGỮ THỨ HAI

LÊ NỮ CẨM LỆ\*

Ngày nhận bài: 07/03/2017; ngày sửa chữa: 13/03/2017; ngày duyệt đăng: 15/03/2017.

**Abstract:** Sociocultural theory holds that learning is a process occurring between members of community who are more experienced and possess more knowledge and skills and are in a position to mediate novices and therefore is a socially situated activity. This paper is an investigation into the principles of sociocultural theory including Zone of Proximal Development (ZPD) and teacher mediation and its relation to second language teaching (L2). Simultaneously, classroom data of the author are analysed to illustrate teacher mediation within ZPD and suggestions for second language teaching are provided.

**Keywords:** Social cultural theory, second language teaching, Zone of Proximal Development, teacher mediation.

## 1. Thuyết văn hóa xã hội (VHXH)

Thuyết VHXH do Vygotsky khởi xướng nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ không thể tách rời giữa ảnh hưởng của tương tác xã hội đối với sự phát triển nhận thức của trẻ. Ông khẳng định: “*Tất cả các chức năng trong phát triển văn hóa của trẻ xuất hiện hai lần: đầu tiên, trên bình diện xã hội và sau đó ở cấp độ cá nhân; đầu tiên, giữa con người (liên tâm lí) và sau đó bên trong trẻ (nội tâm lí)*” [1; tr 57]. Trước tiên, học tập diễn ra trong cộng đồng giữa những người có kĩ năng, kiến thức tốt hoặc có kinh nghiệm nhiều hơn và những người đang trong quá trình thu nhận kiến thức, kĩ năng. Ví dụ, giữa giảng viên (GV) và người học hoặc giữa người lớn có khả năng và trẻ em. Trong quá trình học tập này, ngôn ngữ là công cụ để hỗ trợ, trình bày và làm rõ kiến thức mới. Sau quá trình học tập, qua hướng dẫn và hỗ trợ từ những người hiểu biết hơn, người học sẽ lĩnh hội ý kiến và thông tin mới nhằm nhận xét về những gì đã học, chuyển đổi và làm rõ kiến thức mới; sau đó phản hồi, giải thích những điều mới học. Khi học tập chuyển từ lần một (liên tâm lí) trong tương tác xã hội sang lần hai (nội tâm lí) cũng là lúc người học phát triển nhận thức của mình. Quá trình chuyển đổi này xảy ra trong *Vùng phát triển gần (ZPD)*.

ZPD, theo Vygotsky: “*Khoảng cách giữa trình độ phát triển thực tế của người học được xác định qua việc giải quyết vấn đề một cách độc lập và trình độ phát triển tiềm tàng được xác định thông qua việc giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của người lớn hoặc sự cộng tác với các thành viên cùng trang lứa có khả năng hơn*” [2; tr 86]. Đây là khái niệm quan trọng cho thấy phát triển nhận thức con người là một hoạt động mang tính hỗ trợ xã hội và cho thấy sự khác nhau về

phát triển nhận thức giữa người học tự học không có sự giúp đỡ và người học nhận được sự giúp đỡ phù hợp. Trong quá trình học tập, người học cần vượt qua ZPD, sự giúp đỡ của bạn đồng trang lứa và chuyên gia có thể giúp đỡ họ thành công trong học tập.

Vygotsky tin rằng: ZPD là vùng phát triển nhận thức, ở đó cần có những hỗ trợ và hướng dẫn phù hợp, nhạy cảm nhất để tạo ra cơ hội học tập cho trẻ nhằm thu nhận được kiến thức, phát triển kĩ năng; từ đó, sẽ tự vận dụng được những kiến thức, kĩ năng này thúc đẩy sự phát triển trí tuệ cao hơn. Tương tự, Lantolf - Thorn cũng cho rằng: tính chất quan trọng nhất của học tập là học tập trong vùng ZPD, bởi một loạt các quá trình phát triển nhận thức nội tâm lí sẽ chỉ xảy ra khi trẻ tương tác và nhận được sự hướng dẫn từ bạn bè đồng trang lứa và người lớn có khả năng [3]. Chia sẻ quan điểm này, Thompson kết luận rằng: Học tập diễn ra một cách mạnh mẽ nhất khi người học tiến hành quá trình học trong phạm vi ZPD [4].

Thuyết VHXH đã được ứng dụng và nghiên cứu nhiều trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Khái niệm ZPD đã được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn: Lantolf định nghĩa ZPD là “*sự cộng tác để hình thành cơ hội... cho cá nhân phát triển nhận thức*” [5; tr 17], hay Ohta đã khái quát hóa ZPD trong bối cảnh giảng dạy ngôn ngữ thứ hai: “*ZPD là khoảng cách giữa trình độ phát triển thực tế của người học được xác định thông qua việc tự diễn đạt ngôn ngữ và trình độ phát triển tiềm tàng được xác định thông qua việc diễn đạt ngôn ngữ khi cộng tác cùng bạn học hoặc giáo viên*” [6; tr 9]. Theo đó, tương tác

\* Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

trong giảng dạy ngôn ngữ thứ hai không chỉ là một phương tiện để xác lập nghĩa mà còn để cộng tác và tham gia vào các hoạt động (như giải quyết vấn đề) giữa người học và chuyên gia, tiếp thu ngôn ngữ thứ hai diễn ra thông qua quá trình tương tác này.

## 2. Sự hỗ trợ của GV và các chiến thuật hỗ trợ

Theo *Thuyết VHXH* của Vygotsky, hỗ trợ đóng vai trò then chốt trong các hoạt động học tập và phát triển trí tuệ. Hỗ trợ đến từ 3 hình thức, gồm: *công cụ, hệ thống các kí hiệu và hành vi của con người* trong tương tác xã hội. Người hỗ trợ có thể giúp “*chuyển đổi các kiến thức kĩ năng thành các quá trình nhận thức bậc cao, bao gồm phát triển kĩ năng chiến lược để giải quyết vấn đề*” [7; tr 453]. Trong bối cảnh lớp học ngôn ngữ thứ hai, hỗ trợ từ hành vi của con người có thể là GV đối với người học nhằm giúp người học phát triển nhận thức tốt hơn.

Hỗ trợ của GV là một hình thức hỗ trợ mang tính tương tác xã hội được thực hiện giữa người có kinh nghiệm và người chưa có hoặc ít kinh nghiệm hơn. Vai trò của GV là giúp sinh viên (SV) vượt qua ZPD thông qua hình thức học tập tương tác. Vì vậy, GV phải chọn lọc kĩ lưỡng ngôn ngữ sử dụng cũng như cân nhắc cẩn thận việc xây dựng mô hình tương tác lớp học. GV đóng vai trò trọng tâm qua việc sử dụng ngôn ngữ, để thúc đẩy quá trình tương tác nhằm giúp người học vượt qua ZPD và thu nhận ngôn ngữ. Là người hỗ trợ trong lớp học, GV cần xác định ZPD của người học, điều chỉnh ngôn ngữ của mình - đây có lẽ là nguồn ngôn ngữ đích có thể hiểu duy nhất mà SV nhận được; dựa vào ZPD của người học để hướng dẫn người học dần dần tiếp thu và hình thành kiến thức, kĩ năng cho mình. GV cần hỗ trợ người học nâng cao kiến thức và kĩ năng để sau đó tự điều chỉnh, kiểm soát và làm chủ quá trình học tập của mình.

Nghiên cứu đã phân loại các cách khác nhau GV có thể sử dụng trong quá trình hỗ trợ. Chẳng hạn, “*bắc giàn*” là một cách hỗ trợ bao gồm sáu hình thức: - Thu hút sự chú ý vào hoạt động; - Kiểm soát mức độ tự do của người học trong mỗi hoạt động; - Giữ đường hướng tương ứng với mục tiêu học tập; - Lưu ý các đặc điểm phê phán, khác biệt giữa các giải pháp đưa ra và giải pháp lí tưởng; - Kiểm soát “*giận dữ*” trong quá trình giải quyết vấn đề; - Làm mẫu. Đồng thời, hệ thống các tiêu chí nhằm đánh giá mức độ hỗ trợ đối với việc thúc đẩy quá trình tự điều chỉnh, học tập chủ động, giải quyết vấn đề chiến lược và tư duy phản biện ở trẻ đã được thiết lập. Hệ thống gồm mười hai tiêu chí, đó là: thiết lập sự chú ý, làm rõ nghĩa, kích thích trẻ vượt qua giới hạn, khen ngợi/động viên, cùng tôn trọng,

chia sẻ, điều khiển hoạt động, thách thức, nhìn nhận sự khác biệt tâm lí, phản hồi tương thích, thể hiện mối quan tâm và thay đổi.

Theo kinh nghiệm giảng dạy và quan sát của cá nhân tác giả, hai đặc điểm hỗ trợ thường được sử dụng và có hiệu quả cao là làm mẫu và thách thức. Vì vậy, phần tiếp theo sẽ phân tích dữ liệu lớp học của tác giả nhằm minh họa việc GV đã hỗ trợ người học như thế nào trong phạm vi ZPD thông qua việc sử dụng hai chiến thuật này.

## 3. Phân tích dữ liệu lớp học thể hiện sự hỗ trợ của GV

**3.1. Làm mẫu** là khi GV thể hiện một cấu trúc, phát triển câu trả lời chưa đầy đủ của người học hoặc sửa lỗi câu trả lời của người học. Cũng có nghĩa là GV định hình lại ngôn ngữ người học, sửa lại đóng góp của người học bằng việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp hơn. GV cũng có thể làm mẫu bằng việc nhắc lại câu trả lời của người học với trọng âm, phát âm chính xác hoặc mở rộng câu trả lời của người học và điều chỉnh câu trả lời đó để những người học khác có thể hiểu rõ hơn.

Ví dụ, trong đoạn trích 1: T: GV, L1: Người học 1; L2: Người học 2; LL: nhiều người học cùng một lúc:

1. T: I went to the supermarket yesterday. What did you do yesterday, Hung? (Hôm qua cô đã đi siêu thị. Hùng, hôm qua em đã làm gì?).

2. L1: I go to school (Em đi học).

3. T: Ok, I went to school. Can everybody say I went to (Em đã đi học. Mời cả lớp nói to: Em đã đi).

4. LL: (the whole class) I went to ((cả lớp) Em đã đi).

5. T: Good. I went to the theatre yesterday evening? Where did you go yesterday, Hung? (Tốt. Tối hôm qua cô đã đi xem kịch. Hương, hôm qua em đã đi đâu?).

6. L2: hmm I went to the zoo (Ừm Em đã đi sở thú).

7. T: Ok, you went to the zoo. What about you, Hung? What did you do, Hung? (Tốt, em đã đi sở thú. Thế còn em thì sao, Hùng? Em đã làm gì, Hùng?).

8. L1: hmm, I went to the cinema (Ừm, Em đã đi xem phim).

9. T: Very good, Hung. What else did you do yesterday? (Rất tốt, Hùng. Hôm qua em đã làm gì nữa?).

10. L1: I went to the bookshop (Em đã đến cửa hàng sách).

Mục tiêu giảng dạy trong đoạn trích này là ngữ pháp và sự chính xác; trong đó, GV làm mẫu một câu trúc câu và yêu cầu SV nói đúng dạng thức của động từ như câu mẫu dựa theo gợi ý của GV. Ở dòng 1, GV làm mẫu cho SV biết cách nói đúng dạng thức thì quá khứ đơn. Khi L1 không đưa ra được dạng thức chính xác ở dòng 2, GV làm mẫu lại một lần nữa ở dòng 3. Không chỉ thế, GV còn cho cả lớp nhắc lại đồng thanh dạng thức quá khứ của động từ “go” ở dòng 4 để đảm bảo rằng các SV khác nắm được kiến thức để sử dụng trong hoạt động tiếp theo. Ở dòng 5 và 7, một lần nữa GV làm mẫu lại và có thể thấy ở dòng 8, L1 đã đưa ra được một câu nói có nghĩa đúng ngữ pháp. GV không chỉ dừng lại ở đó mà tiếp tục hỏi câu hỏi liên hệ để đảm bảo SV đã thực sự tiếp thu được dạng thức ngữ pháp và dữ liệu cho thấy SV đã nắm được cấu trúc này. GV đã tiến hành hỗ trợ người học với sự cộng tác của cả lớp trong ZPD của người học. Quan trọng hơn, GV trình bày cấu trúc và đặt câu hỏi liên hệ (dòng 5, 7 và 9) để SV có thể sử dụng kiến thức vừa lĩnh hội từ hoạt động tương tác trước đó và liên tưởng với cá nhân người học để trả lời câu hỏi; đồng thời thực hành mẫu ngữ pháp.

Trong đoạn trích này, GV đã thành công khi làm mẫu cấu trúc ngữ pháp bằng nhiều cách như nói mẫu cả câu đầy đủ, đặt câu hỏi, tạo điều kiện cho cả lớp cùng làm mẫu. GV làm mẫu đã hỗ trợ SV vượt qua ZPD thông qua việc kích hoạt não bộ người học; điều mà có thể đã không xảy ra nếu không có sự hỗ trợ của GV. Chính điều này đã giúp cho L1 diễn đạt được ngôn ngữ chính xác. Theo Vygotsky, chiến thuật hỗ trợ này cho thấy cách thức một người có kiến thức hơn có thể hướng dẫn trẻ giải quyết vấn đề: “Một vài GV có thể làm mẫu toàn bộ và yêu cầu trẻ nhắc lại; các GV khác có thể khởi xướng giải pháp và yêu cầu trẻ hoàn thành hoặc GV khác có thể đặt các câu hỏi dẫn dắt” [8; tr 85].

**3.2. Thách thức** nghĩa là đưa nội dung học tập cao hơn năng lực hiện tại của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vượt qua năng lực hiện tại. Vì vậy, thách thức có thể hiểu ngắn gọn là tập trung khuyến khích người học đạt được mức cao nhất trong ZPD nhằm tối đa hóa khả năng tiếp thu ngôn ngữ thứ hai.

Ví dụ, trong đoạn trích 2: T: GV, L1: Người học 1; L2: Người học 2; L3: Người học 3; L4: Người học 4.

1. T: Can you please make a sentence to compare about uh... Hanoi and your hometown? (Các em hãy đặt câu để so sánh về... Hà Nội và thành phố quê hương em).

2. L1: Hanoi is much bigger than my hometown (Hà Nội to hơn quê em rất nhiều).

3. T: Ok. Thanks. Now, compare life in Hanoi and life in your hometown (Cảm ơn em. Bây giờ, các em hãy so sánh cuộc sống ở Hà Nội và cuộc sống ở quê hương em).

4. L2: It's more comfortable to live in Hanoi (Sống ở Hà Nội thoải mái hơn).

5. T: More comfortable? Anything else? (Thoải mái hơn? Có gì khác nữa không các em?).

6. L3: Life in my hometown is... very good... much better (Cuộc sống ở quê hương em... rất tốt... tốt hơn nhiều).

7. T: Oh, really? Why is it better in your hometown? (Ồ, vậy hả? Vì sao ở quê hương em lại tốt hơn?).

8. L3: Uhm... because the air and water is always fresher and children have more space to play... and... (Ừm... bởi vì không khí trong lành hơn, nước sạch hơn, và trẻ em có nhiều không gian hơn để chơi... và...).

9. T: and?... (Và?...).

10. L4: The prices are much cheaper as well (Giá cả cũng rẻ hơn nhiều).

11. T: Very good. Now, what do you know about London and New York? Can we now talk about the similarities? (Rất tốt. Các em biết gì về London và New York? Bây giờ chúng ta nói về sự giống nhau của hai thành phố này nhé).

Đây là đoạn trích lớp học kĩ năng nói; trong đó, GV đưa ra các gợi ý để SV luyện tập cách nói so sánh giống và khác nhau. GV sử dụng chiến thuật tương tác thách thức ở dòng 5, 7 và 9. GV đặt câu hỏi liên hệ yêu cầu SV nói rõ ý và khơi gợi câu trả lời đầy đủ, dài hơn giải thích cho ý kiến của SV. Điều này cho thấy thách thức của GV là phù hợp với ZPD của người học. Trong khi GV và L3 đang tương tác với nhau thì khi GV thách thức SV ở dòng 9, SV L4 đã tham gia và phát triển ý cho đoạn thoại này với việc sử dụng cấu trúc so sánh ở dòng 10. Ở đây, GV đã sử dụng chiến thuật làm rõ và khơi gợi để tạo thêm không gian tương tác cho SV; hỗ trợ SV sử dụng kiến thức vừa học để trình bày ý kiến, thể hiện quan điểm của mình và phát triển thêm ý. Như vậy, GV đã hỗ trợ SV vượt qua ZPD của mình, hình thành và duy trì tương tác lớp học phù hợp với cả lớp. Chiến thuật này đóng “vai trò kép trong việc làm rõ nghĩa và thúc đẩy tương tác lớp học” [9; tr 134] và hết sức phù hợp với quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai; bằng cách này, GV đã tối ưu hóa cơ hội và tiềm năng học tập hơn của người học.

#### 4. Kết luận và khuyến nghị

Bài viết đã đề cập và phân tích thuyết VHXH, khái niệm hỗ trợ của GV thông qua tương tác lớp học  
(Xem tiếp trang 127)

Một số từ, cụm từ cũng được chuẩn bị trong *bảng 2* là một minh chứng cho sự chủ động tham gia học tập của SV.

Với bài chuẩn bị này, trên lớp SV sẽ đóng vai người thầy, thảo luận và cung cấp từ vựng, điều khiển audio/video bằng tiếng Anh, hoặc tự trình bày nếu ngôn ngữ nguồn là tiếng Việt để các bạn trong lớp phiên dịch. GV hỗ trợ SV nếu cần, điều tiết thời gian dành cho hoạt động đóng vai người thầy cho phù hợp thời lượng môn học. Hoạt động từng bước như vậy, SV được chủ động tiếp cận với nhiều nguồn thông tin, chọn lọc tài liệu phù hợp, mở rộng vốn từ; đồng thời có cơ hội thực hành trong vai trò là “người dạy” và trau dồi kỹ năng đứng nói trước đám đông.

### 6. Kết luận

Các hoạt động dạy - học này được thực hiện trong một lớp học phiên dịch cấp độ 1 tại Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội trên cơ sở kiến thức nền tảng như nhu cầu tâm lý của SV; phù hợp với nguyên tắc học tập theo hướng giao tiếp và hợp tác, trong đó SV được khích lệ tương tác với nhau. Càng

tích cực và chủ động tham gia, SV càng có nhiều cơ hội thực hành các kỹ năng phiên dịch và phát triển bản thân. Những hoạt động này thực sự mang lại kết quả tích cực trong lớp học. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bui Thi Thanh Hao (2011). *Active Learning in Interpreting Classes of English-majored fourth-year Students at SOFL-HUST and How to Enhance Students' Activeness*, Unpublished B.A. Thesis. Hanoi University of Science and Technology, Vietnam.
- [2] Tran Hoai Anh (2004). *Commonly Used Techniques in Every Steps of Consecutive Interpreting Process*, Unpublished B.A. Thesis. Hanoi University of Science and Technology, Vietnam.
- [3] [www.danang.gov.vn/portal/page/portal/danang/chuyen\\_de/dn\\_tpmt/](http://www.danang.gov.vn/portal/page/portal/danang/chuyen_de/dn_tpmt/).
- [4] Leaver, L. (2002). *Developing Professional-Level Language Proficiency*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [5] Mayer, C & Jones, T.B (1993). *Promoting active learning: Strategies for the college classroom*. San Francisco: Jossey-Bass Inc.

## Thuyết văn hóa xã hội...

(Tiếp theo trang 88)

trong phạm vi ZPD khi giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Phân tích lý thuyết và dữ liệu cho thấy, điều hết sức quan trọng là hỗ trợ của GV phải được thực hiện trong phạm vi ZPD của người học nhằm thúc đẩy tương tác xã hội dẫn đến phát triển nhận thức và tối đa hóa cơ hội học tập. Vì vậy, trong lớp học, GV cần nhận thức đầy đủ về ngôn ngữ mình sử dụng, bởi vì chính ngôn ngữ của GV sẽ phần lớn quyết định mô hình tương tác, hỗ trợ người học vượt qua ZPD để phát triển nhận thức và tối đa hóa cơ hội học tập.

Trong quá trình hỗ trợ, GV có thể sử dụng nhiều “chiến thuật” nhằm thúc đẩy tương tác lớp học hiệu quả để người học phát triển tối đa nhận thức. GV cần lựa chọn các “chiến thuật” phù hợp với mục tiêu giáo dục của từng giai đoạn giờ học. *Làm mẫu* là một chiến thuật rất hiệu quả trong lớp học, có mục tiêu giảng dạy ngữ pháp và chính xác, giúp SV biết được cấu trúc mục tiêu là gì, dẫn dắt SV đi tới và vượt qua ZPD, giúp họ hình thành câu trả lời, đưa ra câu trả lời mà trước đó họ không thể làm được một mình; nhưng với sự giúp đỡ của GV, họ đã đạt được mục tiêu học tập. Làm mẫu có thể thực hiện bằng nhiều cách, như: nói

mẫu cả câu đầy đủ, đặt câu hỏi, tạo điều kiện cho cả lớp cùng làm mẫu...

Cuối cùng, GV không nên luôn luôn đồng ý ngay với một câu trả lời ngắn gọn của SV. Thay vào đó, chiến thuật “thách thức” cần được sử dụng để thúc đẩy SV đưa ra câu trả lời dài hơn, đầy đủ hơn, ý nghĩa hơn; qua đó, đạt được mục tiêu phát triển ngôn ngữ. Thách thức có thể tiến hành thông qua câu hỏi làm rõ, khơi gợi và câu hỏi liên hệ. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] [2] [8] L.S. Vygotsky (1978). *Mind in Society*. Cambridge, MA: MIT Press.
- [3] J.P. Lantolf - S.L. Thorn (2006). *Sociocultural theory and the genesis of second language development*. Oxford: Oxford University Press.
- [4] I. Thompson (2013). *The Mediation of Learning in the Zone of Proximal Development through a Co-constructed Writing Activity*. Research in the Teaching of English.
- [5] J.P. Lantolf (2000). *Sociocultural Theory and second language learning*. Oxford: Oxford University Press.
- [6] A.S. Otha (2001). *Second language acquisition processes in the classroom: Learning Japanese*. Mahwah, NJ: Erlbaum.
- [7] R. Donato - D. McCormick (1994). *A sociocultural perspective on language learning strategies: the role of mediation*. The Modern Language Journal.
- [9] S. Walsh (2006). *Investigating Classroom Discourse*. London: Routledge.